

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 199/2022/KDTM - PT.
Ngày : 22,28/11/2022
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tiền gửi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.

**Các Thẩm phán : Ông Nguyễn Xuân Tuấn
Bà Ngô Tuyết Băng**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa : Ông Nguyễn Trung Kiên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Bà Phan Thị Tình- KSV

Ngày 22,28 tháng 11 năm 2022 , tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 113/2021/TLPT - KDTM ngày 7 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp: Hợp đồng tiền gửi và trái phiếu.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2021/ KDTM – ST, ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân Quận Hoàn Kiếm bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 523/2022/QĐ - PT ngày 1 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ (gọi tắt Ngân hàng)

Trụ sở: 199 Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Bình, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ liên hệ: Tầng 10, Tòa nhà Daeha, 360 Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Anh Tuấn - Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế Hoàng - Phó Tổng Giám đốc (Văn bản ủy quyền số 567/2022/UQ-NĐDPL.12.01 ngày 11/10/2022).

Người được ủy quyền lại :

1. Bà Lê Diệu Quỳnh - Phó Phòng Kinh doanh vốn;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Chuyên viên Phòng Kinh doanh vốn;
3. Bà Trần Thị Hồng Ngọc - Chuyên viên Phòng Pháp Chế.
4. Ông Nguyễn Tuấn Linh - Chuyên viên Phòng Kinh doanh vốn

5. Ông Nguyễn Văn Việt - Chuyên viên Quản lý dự án đầu tư
(Văn bản ủy quyền số 649/2022/UQ- OCEANBANK.12.01 ngày 08/11/2022).

Bị đơn: Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên C (gọi tắt Công ty hoặc V).

Trụ sở: Số 120 phố Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo Pháp luật: Bà Vũ Hoài Giang - Quyền Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nguyễn Đức Vinh - Phó Tổng giám đốc
2. Bà Nguyễn Thị Minh Thảo - Kế toán trưởng
3. Bà Trần Thị Yên - Phó phòng Tài chính kế toán
4. Ông Bùi Quang Tuấn - Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp
5. Bà Nguyễn Thị Thao - Chuyên viên phòng Kế hoạch Tổng hợp
6. Ông Phạm Văn Cường - Chuyên viên Phòng Tín dụng 1.

(Văn bản ủy quyền số 33/UQ - TCTT ngày 05/8/2020).

Bà Ngọc, ông Linh, bà Ngọc Anh, bà Quỳnh, ông Vinh, bà Yên, ông Tuấn có mặt, những người khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2019, Bản tự khai nguyên đơn trình bày:**

Từ năm 2009 đến năm 2010, Ngân hàng và Công ty đã ký kết 15 Hợp đồng tiền gửi, theo đó: Ngân hàng đồng ý gửi Công ty một khoản vốn kèm theo những điều kiện về thời hạn, lãi suất nhất định, cụ thể như sau:

1. Hợp đồng tiền gửi số 180610/V-OJB/TG ngày 18/6/2010.

- Số tiền gửi: 26.000.000.000 đồng (hai mươi sáu tỷ đồng chẵn). Số tiền này được hai bên thỏa thuận chuyển từ Hợp đồng tiền gửi số 110610/V-OJB/TG02 ngày 11/6/2010 sang để tất toán Hợp đồng tiền gửi số 110610/V-OJB/TG02; Ngân hàng không thực hiện việc chuyển tiền.

- Thời hạn: 12 tháng (kể từ ngày 18/6/2010 đến ngày 20/6/2011)

- Lãi suất điều chỉnh một tháng một lần. Lãi suất áp dụng cho một tháng đầu tiên (từ ngày 18/6/2010 đến ngày 19/7/2010) là 12%/năm, số tiền lãi là: 268.666.667 đồng (được tính trên cơ sở một năm 360 ngày). Lãi chậm trả bằng 150% lãi suất trong hạn.

- Ngày 19/7/2010 hai bên ký Phụ lục số 01 điều chỉnh kỳ tính lãi suất từ ngày 19/7/2010 đến ngày 19/10/2010 của số tiền gốc 26.000.000.000 đồng là 12%.

- Ngày 19/10/2010 hai bên ký Phụ lục số 02 điều chỉnh kỳ tính lãi suất từ ngày 19/10/2010 đến ngày 19/01/2011 của số tiền gốc 26.000.000.000 đồng là 12%.

- Căn cứ thỏa thuận trong Hợp đồng, Ngân hàng đã gửi Công văn đề nghị rút vốn trước hạn Hợp đồng tiền gửi số 180610/V-OJB/TG ngày 18/6/2010 số tiền gốc 26.000.000.000 đồng và số tiền lãi (từ ngày 19/10/2010 đến ngày 19/01/2011) là 797.333.333 đồng. Hai bên thống nhất ngày rút vốn là ngày 19/01/2011. Tuy nhiên Công ty đã không thực hiện việc chuyển trả tiền theo đúng cam kết.

Xác định nghĩa vụ trả tiền của Công ty tạm tính đến ngày 11/11/2019 là:

Gốc quá hạn: 26.000.000.000 đồng

Lãi quá hạn: 797.333.333 đồng

Phạt chậm trả gốc: 41.847.000.000 đồng

Phạt chậm trả lãi: 1.283.308.000 đồng

Tổng là: **69.927.641.333 đồng.**

2. Hợp đồng tiền gửi số 170610/V-OJB/TG ngày 17/6/2010.

- Số tiền gửi: 40.000.000.000 đồng (bốn mươi tỷ đồng chẵn). Số tiền này được chuyển từ Hợp đồng tiền gửi số 170510/V-OJB/TG0 ngày 17/5/2010 sang nên Ngân hàng không thực hiện việc chuyển tiền.

- Thời hạn: 12 tháng (kể từ ngày 17/6/2010 đến ngày 17/6/2011)

- Lãi suất điều chỉnh một tháng một lần. Lãi suất áp dụng cho một tháng đầu tiên (từ ngày 17/6/2010 đến ngày 17/7/2010) là 12%/năm; Lãi chậm trả bằng 150% lãi suất trong hạn.

- Ngày 09/7/2010 hai bên ký Phụ lục số 01 điều chỉnh kỳ tính lãi suất từ ngày 17/6/2010 đến ngày 19/7/2010 của số tiền gốc 40.000.000.000 đồng là 12%/năm.

- Ngày 19/7/2010 hai bên ký Phụ lục số 02 điều chỉnh kỳ tính lãi suất từ ngày 19/7/2010 đến ngày 19/10/2010 của số tiền gốc 40.000.000.000 đồng là 12%/năm.

- Ngày 19/10/2010 hai bên ký Phụ lục số 03, điều chỉnh kỳ tính lãi suất từ ngày 19/10/2010 đến ngày 19/01/2011, lãi suất: 12%/năm.

- Trước thời điểm đến hạn ngày 19/01/2011, Ngân hàng đã gửi Công văn đề nghị rút vốn trước hạn của Hợp đồng tiền gửi số 170610/V-OJB/TG ngày 17/6/2010 số tiền gốc: 40.000.000.000 đồng và số tiền lãi (từ ngày 19/10/2010 đến ngày 19/01/2011) là 1.226.666.667 đồng. Hai bên thống nhất ngày rút vốn là ngày 19/01/2011. Tuy nhiên Công ty đã không thực hiện việc chuyển trả tiền theo đúng cam kết.

Xác định nghĩa vụ trả tiền của Công ty tạm tính đến ngày 11/11/2019 là:

Gốc quá hạn: 40.000.000.000 đồng

Lãi quá hạn: 1.226.666.667 đồng

Phạt chậm trả gốc: 64.380.000.000 đồng

Phạt chậm trả lãi: 1.974.320.000 đồng

Tổng là: **107.580.986.667 đồng.**

3. Hợp đồng tiền gửi số 1984-1209/V-OJB/TG ngày 11/12/2009

- Số tiền gửi: 133.677.000.000 đồng (một trăm ba mươi ba tỷ, sáu trăm bảy mươi bảy triệu đồng chẵn). Số tiền này được Ngân hàng chuyển vào tài khoản số 800.00492539.100001 của Công ty mở tại Ngân hàng.

- Thời hạn: 12 tháng (kể từ ngày 11/12/2009 đến ngày 13/12/2010)

- Lãi suất điều chỉnh sáu tháng một lần. Lãi suất áp dụng cho sáu tháng đầu tiên (từ ngày 11/12/2009 đến ngày 11/6/2010) là 11,80%/năm.

- Ngày 11/6/2010 hai bên ký văn bản thay đổi lãi suất cho kỳ từ ngày 11/6/2010 đến ngày 13/12/2010 của số tiền gốc 133.677.000.000 đồng là 11,80%/năm, số tiền lãi là: 8.106.024.750 đồng (được tính trên cơ sở một năm 360 ngày).

- Khi đã đến hạn rút vốn, Công ty đã không hoàn trả số tiền gốc và lãi như đã thỏa thuận nêu trên. Sau đó, Số tiền gốc đã được gia hạn bằng Hợp đồng số 307/2010GVND/OB-V ngày 13/12/2010.

Xác định nghĩa vụ trả tiền của Công ty tạm tính đến ngày 11/11/2019 là:

Lãi quá hạn: 8.106.024.750 đồng.

Phạt chậm trả lãi: 12.976.664.821 đồng

Tổng là: **21.082.689.571 đồng.**

4. Hợp đồng tiền gửi số 307/1210/GVND/OB-V ngày 13/12/2010.

- Số tiền gửi: 133.677.000.000 đồng (một trăm ba mươi ba tỷ, sáu trăm bảy mươi bảy triệu đồng chẵn). Số tiền này được gia hạn từ số tiền gốc của Hợp đồng tiền gửi số 1984-1209/V-OJB/TG ngày 11/12/2009 nên Ngân hàng không thực hiện việc chuyển tiền.

- Thời hạn: 12 tháng (kể từ ngày 13/12/2010 đến ngày 13/12/2011).

- Lãi suất điều chỉnh ba tháng một lần. Lãi suất áp dụng cho ba tháng đầu tiên (từ ngày 13/12/2010 đến ngày 14/03/2011) là 13,50%/năm. Số tiền lãi ba tháng đầu tiên là 4.561.727.625 đồng (được tính trên cơ sở một năm 360 ngày). Lãi chậm trả bằng 150% lãi trong hạn.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, Ngân hàng đã gửi Công ty Công văn đề nghị rút vốn trước hạn của Hợp đồng tiền gửi số 307/1210/GVND/OB-V số tiền gốc 133.677.000.000 đồng và số tiền lãi (từ ngày 13/12/2010 đến ngày 14/03/2011) là: 4.561.727.625 đồng. Trong đó hai bên thống nhất ngày rút là ngày 14/03/2011. Tuy nhiên, Công ty đã không thực hiện đúng các thỏa thuận đã ký kết.

Xác định nghĩa vụ trả tiền của Công ty tạm tính đến ngày 11/11/2019 là:

Gốc quá hạn: 133.677.000.000 đồng

Lãi quá hạn: 4.561.727.625 đồng

Phạt chậm trả gốc: 237.986.834.063 đồng

Phạt chậm trả lãi: 8.121.300.712 đồng

Tổng là: **384.346.862.400 đồng**

5. Hợp đồng tiền gửi số 1982-1209/V-OJB/TG ngày 11/12/2009

- Số tiền gửi: 380.000.000.000 đồng (ba trăm tám mươi tỷ đồng chẵn).
- Thời hạn: 12 tháng (kể từ ngày 11/12/2009 đến ngày 13/12/2010).
- Lãi suất điều chỉnh sáu tháng một lần. Lãi suất áp dụng cho sáu tháng đầu tiên (từ ngày 11/12/2009 đến ngày 11/06/2010) là 11,80%/năm. Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện Hợp đồng:

- Ngày 11/6/2010 hai bên đã ký Thông báo thay đổi lãi suất cho kỳ từ ngày 11/6/2010 đến ngày 13/12/2010 của số tiền gốc 380.000.000.000 đồng là 11,80%/năm.
- Khi đã đến hạn rút vốn, Công ty đã không hoàn trả số tiền gốc và lãi như đã thỏa thuận nêu trên. Sau đó, số tiền gốc đã được gia hạn bằng Hợp đồng số 308/1210GVND/OB-V ngày 13/12/2010.

Xác định nghĩa vụ trả tiền của Công ty tạm tính đến ngày 11/11/2019 là:

Lãi quá hạn: 23.042.777.778 đồng

Phạt chậm trả lãi: 36.888.414.852 đồng

Tổng là: **59.931.192.630 đồng**

6. Hợp đồng tiền gửi số 308/1210/GVND/OJB-V ngày 13/12/2010.

- Số tiền gửi: 380.000.000.000 đồng (ba trăm tám mươi tỷ đồng chẵn). Số tiền này được gia hạn từ số tiền gốc của Hợp đồng tiền gửi số 1982-1209/V-OJB/TG ngày 11/12/2009 nên Ngân hàng không thực hiện việc chuyển tiền.
- Thời hạn: 12 tháng (kể từ ngày 13/12/2010 đến ngày 13/12/2011)

- Lãi suất điều chỉnh ba tháng một lần. Lãi suất áp dụng cho ba tháng đầu tiên (từ ngày 13/12/2010 đến ngày 14/03/2011) là 13,50%/năm.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, Ngân hàng đã gửi Công ty Công văn đề nghị rút vốn trước hạn: Hợp đồng tiền gửi số 308/1210/GVND/OJB-V số tiền gốc 380.000.000.000 đồng và số tiền lãi (từ ngày 13/12/2010 đến ngày 14/03/2011) là: 12.967.500.000 đồng. Hai bên thống nhất thời điểm rút là ngày 14/03/2011. Công ty không thực hiện chuyển trả Ngân hàng đối với số tiền này.

Xác định nghĩa vụ trả tiền của Công ty tạm tính đến ngày 11/11/2019 là:

Gốc quá hạn: 380.000.000.000 đồng

Lãi quá hạn: 12.967.500.000 đồng

Phạt chậm trả gốc: 676.518.750.000 đồng

Phạt chậm trả lãi: 23.086.202.344 đồng

Tổng là: **1.092.572.452.344 đồng**

7. Hợp đồng tiền gửi số 190410/V-OJB/TG ngày 19/04/2010.

- Số tiền gửi: 2.000.000 USD (hai triệu đô la Mỹ chẵn). Số tiền này được Ngân hàng chuyển vào tài khoản số 0681.37.000.8830 của Công ty mở tại Ngân hàng.

- Thời hạn: 12 tháng (kể từ ngày 19/4/2010 đến ngày 19/4/2011)

- Lãi suất điều chỉnh ba tháng một lần. Lãi suất áp dụng cho ba tháng đầu tiên (từ ngày 19/4/2010 đến ngày 19/7/2010) là 4%/năm.

Quá trình thực hiện Hợp đồng như sau:

- Ngày 19/7/2010 hai bên ký Phụ lục số 01 điều chỉnh kỳ tính lãi suất từ ngày 19/7/2010 đến ngày 19/10/2010 của số tiền gốc 2.000.000USD là 7%/năm.

- Ngày 19/10/2010 hai bên ký Phụ lục số 02 Hợp đồng, điều chỉnh kỳ tính lãi suất từ ngày 19/10/2010 đến ngày 19/01/2011 của số tiền gốc 2.000.000USD là 7%/năm.

Tháng 01/2011 Ngân hàng gửi Công ty Giấy đề nghị rút vốn trước hạn đối với toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến ngày 19/01/2011. Hai bên thống nhất ngày rút vốn là ngày 19/01/2011. Theo đó, Ngân hàng đề nghị rút vốn trước hạn, số tiền gốc 2.000.000USD và số tiền lãi (từ ngày 19/10/2010 đến ngày 19/01/2011) là 35.777,78USD. Tuy nhiên, Công ty chưa chuyển trả cho Ngân hàng gốc lãi của Hợp đồng tiền gửi này.

Xác định nghĩa vụ trả tiền của Công ty tạm tính đến ngày 11/11/2019 là:

Gốc quá hạn: 2.000.000USD

Lãi quá hạn: 35.777,78USD

Phạt chậm trả gốc: 1.877.750USD

Phạt chậm trả lãi: 33.590,86USD

Tổng là: **3.947.118,64USD.**

8. Hợp đồng tiền gửi số 260710/V-JB/TG ngày 26/7/2010.

- Số tiền gửi: 5.000.000 USD (năm triệu đô la Mỹ chẵn). Số tiền này được chuyển từ Hợp đồng tiền gửi số 160909/V-OJB/TG ngày 16/9/2009 đã tắt toán sang nên Ngân hàng không thực hiện việc chuyển tiền.

- Thời hạn: 12 tháng (kể từ ngày 26/7/2010 đến ngày 26/7/2011)

- Lãi suất điều chỉnh ba tháng một lần. Lãi suất áp dụng cho ba tháng đầu tiên (từ ngày 26/7/2010 đến ngày 26/10/2010) là 7%/năm. Lãi phạt bằng 150% lãi trong hạn.

Quá trình thực hiện Hợp đồng như sau:

Ngày 26/10/2010 hai bên ký Phụ lục số 01 điều chỉnh kỳ tính lãi suất từ ngày 26/10/2010 đến ngày 26/01/2011 của số tiền gốc 5.000.000USD là 7%/năm.

Ngày 26/01/2011 Ngân hàng đã gửi Công văn đề nghị rút vốn trước hạn Hợp đồng tiền gửi số 260710/V-OJB/TG ngày 26/7/2010 số tiền gốc 5.000.000USD và số tiền lãi (từ ngày 26/10/2010 đến ngày 26/01/2011), hai bên thống nhất ngày rút vốn là ngày 26/01/2011 là 89.444,44USD. Tuy nhiên, Công ty chưa chuyển trả cho Ngân hàng gốc lãi của Hợp đồng tiền gửi này.

Xác định nghĩa vụ trả tiền của Công ty tạm tính đến ngày 11/11/2019 là:

Gốc quá hạn: 5.000.000USD

Lãi quá hạn: 89.444,44USD

Phạt chậm trả gốc: 4.684.166,67USD

Phạt chậm trả lãi: 83.794,54USD

Tổng là: **9.857.405,65USD.**

9. Hợp đồng tiền gửi số 120310/V-OJB/TG ngày 12/03/2010.

- Số tiền gửi: 156.000 USD (một trăm lăm mươi sáu nghìn đô la Mỹ chẵn). Số tiền này được Ngân hàng chuyển vào tài khoản số 800.000.492539.00062 của Công ty mở tại Ngân hàng.

- Thời hạn: 12 tháng (kể từ ngày 12/03/2010 đến ngày 14/03/2011)

- Lãi suất điều chỉnh chín tháng một lần. Lãi suất áp dụng cho chín tháng đầu tiên (từ ngày 12/03/2010 đến ngày 13/12/2010) là 5%/năm. Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, đến hạn rút vốn nhưng Công ty không trả số tiền gốc và lãi này. Số tiền gốc đã được Công ty và Ngân hàng gia hạn bằng Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 131210/V-OJB ngày 13/12/2010.

Xác định nghĩa vụ trả tiền của Công ty tạm tính đến ngày 11/11/2019 là:

Lãi quá hạn: 5.980,00USD

Phạt chậm trả lãi: 4.056,43USD

Tổng là: **10.036,43USD.**

10. Hợp đồng tiền gửi số 131210/V-OJB/TG ngày 13/12/2010.

- Số tiền gửi: 156.000USD (một trăm năm mươi sáu nghìn đô la Mỹ chẵn). Số tiền này được chuyển từ Hợp đồng tiền gửi số 120310/V-OJB/TG ngày 12/03/2010 sang nên Ngân hàng không thực hiện việc chuyển tiền.

- Thời hạn: 12 tháng (kể từ ngày 13/12/2010 đến ngày 13/12/2011)

- Lãi suất điều chỉnh ba tháng một lần. Lãi suất áp dụng cho ba tháng đầu tiên (từ ngày 13/12/2010 đến ngày 14/03/2011) là 8%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, tháng 03/2011 Ngân hàng đã gửi Công văn đề nghị rút vốn trước hạn Hợp đồng tiền gửi số 131210/V-OJB/TG ngày 13/12/2010 số tiền gốc 156.000USD và số tiền lãi (từ ngày 13/12/2010 đến ngày 14/03/2011) là 3.154,67 USD, hai bên thống nhất ngày rút là ngày 14/03/2011. Tuy nhiên, Công ty chưa chuyển trả cho Ngân hàng gốc lãi của Hợp đồng tiền gửi này.

Xác định nghĩa vụ trả tiền của Công ty tạm tính đến ngày 11/11/2019 là:

Gốc quá hạn: 156.000USD

Lãi quá hạn: 3.154,67USD

Phạt chậm trả gốc: 164.580,00USD

Phạt chậm trả lãi: 3.328,17USD

Tổng là: **327.062,84USD.**

11. Hợp đồng tiền gửi số 280610/V-OJB/TG ngày 28/6/2010.

- Số tiền gửi: 8.000.000USD (tám triệu đô la Mỹ chẵn). Số tiền này được chuyển từ Hợp đồng tiền gửi số 140110/V-OJB/TG ngày 14/01/2010 đã tắt toán sang nên Ngân hàng không thực hiện việc chuyển tiền.

- Thời hạn: 12 tháng (kể từ ngày 28/6/2010 đến ngày 28/6/2011)

- Lãi suất điều chỉnh một tháng một lần. Lãi suất áp dụng cho 01 tháng đầu tiên (từ ngày 28/6/2010 đến ngày 28/7/2010) là 7%/năm.

Quá trình thực hiện Hợp đồng:

Ngày 28/7/2010 hai bên ký Phụ lục số 01 điều chỉnh kỳ tính lãi suất từ ngày 28/7/2010 đến ngày 28/10/2010 của số tiền gốc 8.000.000USD là 7%/năm. Công ty chưa thực hiện chuyển trả khoản tiền lãi này.

Ngày 28/10/2010 hai bên ký Phụ lục số 02 Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 280610/V-OJB/TG điều chỉnh kỳ tính lãi suất từ ngày 28/10/2010 đến ngày 29/11/2010 của số tiền gốc 8.000.000USD là 7%/năm.

Ngày 29/11/2010 hai bên ký Phụ lục số 03 Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 280610/V-OJB/TG điều chỉnh kỳ tính lãi suất từ ngày 29/11/2010 đến ngày 31/01/2011 của số tiền gốc 8.000.000USD là 7%/năm.

Tháng 01/2011 Ngân hàng đã gửi Công văn đề nghị rút vốn trước hạn Hợp đồng tiền gửi số 2806/V-OJB/TG ngày 28/06/2010 số tiền gốc 8.000.000USD và số tiền lãi (từ ngày 29/11/2010 đến ngày 31/01/2011) là 98.000,00USD, hai bên thống nhất ngày rút là ngày 31/01/2011. Tuy nhiên, Công ty chưa chuyển trả cho Ngân hàng gốc lãi của Hợp đồng tiền gửi này

Xác định nghĩa vụ trả tiền của Công ty tạm tính đến ngày 11/11/2019 là:

Gốc quá hạn: 8.000.000USD

Lãi quá hạn: 241.111,11USD

Phạt chậm trả gốc: 7.483.000,00USD

Phạt chậm trả lãi: 229.509,19USD

Tổng là: **15.953.620,31USD.**

12. Hợp đồng tiền gửi số 484-1209/V-OJB/TG ngày 11/12/2009.

- Số tiền gửi: 6.070.000USD (sáu triệu không trăm bảy mươi nghìn đô la Mỹ chẵn). Số tiền này được Ngân hàng chuyển vào tài khoản số 800.000.492539.00062 của Công ty mở tại Ngân hàng.

- Thời hạn: 12 tháng (kể từ ngày 11/12/2009 đến ngày 13/12/2010)

- Lãi suất điều chỉnh ba tháng một lần. Lãi suất áp dụng cho ba tháng đầu tiên (từ ngày 11/12/2009 đến ngày 11/03/2010) là 7%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Quá trình thực hiện Hợp đồng như sau:

Ngày 11/03/2010 hai bên ký Thông báo điều chỉnh lãi suất từ ngày 11/03/2010 đến ngày 11/6/2010 của số tiền gốc 6.000.000USD là 7,30%/năm.

Ngày 11/6/2010 hai bên ký Thông báo điều chỉnh lãi suất từ ngày 11/6/2010 đến ngày 13/9/2010 của số tiền gốc 6.070.000USD là 7,80%/năm.

Ngày 13/9/2010 hai bên ký Thông báo điều chỉnh lãi suất từ ngày 13/9/2010 đến ngày 13/12/2010 của số tiền gốc 6.070.000USD là 8%/năm.

Ngày 13/12/2010 khi đến hạn rút vốn nhưng Công ty đã không thanh toán các khoản nợ gốc, lãi nêu trên. Số tiền gốc đã được hai bên gia hạn bằng Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 83/1210/GUSD/OJB-V ngày 13/12/2010.

Xác định nghĩa vụ trả tiền của Công ty tạm tính đến ngày 11/11/2019 là:

Lãi quá hạn: 122.748,89USD

Phạt chậm trả lãi: 133.223,46USD

Tổng là: **255.972,35USD.**

13. Hợp đồng tiền gửi số 83/1210/GUSD/OB-V ngày 13/12/2010.

Số tiền gửi: 6.070.000USD (sáu triệu, không trăm bảy mươi nghìn đô la Mỹ chẵn). Số tiền này được chuyển từ Hợp đồng tiền gửi số 484-1209/VPC-QJB/TG ngày 11/12/2009 sang nên Ngân hàng không thực hiện việc chuyển tiền.

Thời hạn: 12 tháng (kể từ ngày 13/12/2010 đến ngày 13/12/2011)

Lãi suất điều chỉnh ba tháng một lần. Lãi suất áp dụng cho ba tháng đầu tiên (từ ngày 13/12/2010 đến ngày 14/03/2011) là 8%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Quá trình thực hiện Hợp đồng như sau:

Ngày 14/03/2011 Ngân hàng đã gửi công văn đề nghị rút vốn trước hạn Hợp đồng tiền gửi số 83/1210/GUSD/OJB-V ngày 13/12/2010 số tiền gốc 6.070.000USD và số tiền lãi (từ ngày 13/12/2010 đến ngày 14/03/2011) là 1.222.748,89 USD. Hai bên thống nhất ngày rút vốn là ngày 14/03/2011. Tuy nhiên, do gặp khó khăn về nguồn vốn Công ty chưa chuyển trả cho Ngân hàng gốc lãi của Hợp đồng tiền gửi này.

Xác định nghĩa vụ trả tiền của Công ty tạm tính đến ngày 11/11/2019 là:

Gốc quá hạn: 6.070.000USD

Lãi quá hạn: 122.748,89USD

Phạt chậm trả gốc: 6.403.850,00USD

Phạt chậm trả lãi: 129.500,08USD

Tổng là: **12.726.098,97USD.**

14. Hợp đồng tiền gửi số 483-1209/V-OJB/TG ngày 11/12/2009.

- Số tiền gửi: 2.800.000 USD (hai triệu, tám trăm nghìn đô la Mỹ chẵn). Số tiền này được Ngân hàng chuyển vào tài khoản số 800.000.492539.00062 của Công ty mở tại Ngân hàng.

- Thời hạn: 12 tháng (kể từ ngày 11/12/2009 đến ngày 13/12/2010)

- Lãi suất điều chỉnh ba tháng một lần. Lãi suất áp dụng cho ba tháng đầu tiên (từ ngày 11/12/2009 đến ngày 11/03/2010) là 7%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện Hợp đồng như sau:

Ngày 11/03/2010 hai bên điều chỉnh lãi suất từ ngày 11/03/2010 đến ngày 11/6/2010 của số tiền gốc 2.800.000 USD là 7,30%/năm.

Ngày 11/6/2010 hai bên điều chỉnh lãi suất từ ngày 11/6/2010 đến ngày 13/9/2010 của số tiền gốc 2.800.000USD là 7,80%/năm.

Ngày 13/9/2010 hai bên điều chỉnh lãi suất từ ngày 13/9/2010 đến ngày 11/12/2010 của số tiền gốc 2.800.000USD là 8%/năm.

Ngày 13/12/2010 khi đến hạn rút vốn nhưng Công ty đã không thanh toán các khoản nợ gốc, lãi nêu trên. Số tiền gốc đã được hai bên gia hạn bằng Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 82/1210/GUSD/OJB-V ngày 13/12/2010.

Xác định nghĩa vụ trả tiền của Công ty tạm tính đến ngày 11/11/2019 là:

Lãi quá hạn: 56.622,22USD

Phạt chậm trả lãi: 61.453,99USD

Tổng là: **118.076.21USD.**

15. Hợp đồng tiền gửi số 82/1210/GUSD/OB-V ngày 13/12/2010.

- Số tiền gửi: 2.800.000USD (hai triệu, tám trăm nghìn đô la Mỹ chẵn). Số tiền này được chuyển từ Hợp đồng tiền gửi số 483-1209/VPC-OJB/TG ngày 11/12/2009 sang nên Ngân hàng không thực hiện việc chuyển tiền.

- Thời hạn: 12 tháng (kể từ ngày 13/12/2010 đến ngày 13/12/2011)

- Lãi suất điều chỉnh ba tháng một lần. Lãi suất áp dụng cho ba tháng đầu tiên (từ ngày 13/12/2010 đến ngày 14/03/2011) là 8%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, ngày 14/03/2011 Ngân hàng đã gửi Công văn đề nghị rút vốn trước hạn Hợp đồng tiền gửi số 82/1210/GUSD/OJB-V ngày 13/12/2010 số tiền gốc 2.800.000USD và số tiền lãi (từ ngày 13/12/2010 đến ngày 14/03/2011) là

56.622,22USD. Tuy nhiên Công ty đã không thực hiện việc thanh toán như đã thỏa thuận.

Xác định nghĩa vụ trả tiền của Công ty tạm tính đến ngày 11/11/2019 là:

Gốc quá hạn: 2.800.000USD

Lãi quá hạn: 56.622,22USD

Phạt chậm trả gốc: 2.954.000,00USD

Phạt chậm trả lãi: 59.736,44USD

Tổng là: **5.870.358,67USD.**

Bên cạnh 15 Hợp đồng tiền gửi, Ngân hàng còn nắm giữ các Trái phiếu V phát hành thông qua Hợp đồng mua bán trái phiếu số 02/2007/AGRISECO/OCEANBANK ngày 08/01/2008.

- Tên trái phiếu: Trái phiếu 05 năm Công ty Tài chính C.
- Tổ chức phát hành: Công ty Tài chính C
- Tổng mệnh giá: 100.000.000.000 đồng (một trăm tỷ đồng chẵn)
- Thời hạn: 05 năm (ngày phát hành 27/11/2007 ngày đáo hạn 27/11/2012)
- Lãi suất : 9%/năm
- Phương thức trả lãi: Trả lãi sau hàng năm, định kỳ một năm một lần, bắt đầu sau một năm kể từ ngày phát hành trái phiếu.

- Hình thức trái phiếu: Trái phiếu ghi sổ

Thanh toán gốc: Tiền gốc trái phiếu được trả một lần khi đến hạn đúng bằng mệnh giá trái phiếu.

Quá trình thực hiện Hợp đồng: Công ty đã thực hiện chuyển trả ba lần lãi trái phiếu cho Ngân hàng vào các ngày 27/11/2008, 27/11/2009 và 30/11/2010. Tổng số tiền là 27.000.000.000 đồng (mỗi kỳ 9.000.000.000 đồng). Sau đó, Công ty đã không thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi kỳ tiếp theo cũng như số tiền gốc khi đến hạn.

Xác định tổng nghĩa vụ nợ trái phiếu tạm tính đến ngày 11/11/2019 của Công ty là:

Gốc quá hạn: 100.000.000.000 đồng

Lãi quá hạn: 18.000.000.000 đồng

Phạt chậm trả gốc: 62.630.136.986 đồng

Phạt chậm trả lãi: 12.083.424.658 đồng

Tổng là: **5.870.358,67USD.**

Ngân hàng đề nghị Công ty đưa ra bản công bố thông tin phát hành trái phiếu này để làm rõ quy định tại Điều 2 của trái phiếu ghi sổ số VF070004 ngày 27/11/2007 để

Tòa án xem xét giải quyết. Trường hợp bản công bố thông tin trái phiếu năm 2007 không quy định về việc xử lý trong trường hợp tổ chức phát hành không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán gốc, lãi trái phiếu đúng hạn thì thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự 2005.

Đối với Trái phiếu Vinashin: Hiện trái phiếu này đang được phong tỏa tại Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn - SSI theo đơn đề nghị và xác nhận phong tỏa của Công ty để làm tài sản đảm bảo cho các khoản tiền gửi của Ngân hàng tại Công ty. Hai bên không có văn bản thỏa thuận nào thêm và đề nghị Tòa án tiếp tục phong tỏa để đảm bảo việc thi hành án các khoản nợ của Công ty. Nếu Công ty không thanh toán nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi xử lý tài sản đảm bảo không đủ trả nợ thì Công ty tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho OceanBank đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Ngân hàng khẳng định tất cả các Hợp đồng tiền gửi hai bên đã ký kết là đúng quy định pháp luật, Công ty được quyền nhận tiền gửi, Ngân hàng chuyển tiền. Về lãi suất tiền gửi và mức lãi suất phạt đều tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước cũng như Bộ luật Dân sự. Theo khoản 1 Điều 3 Luật thương mại số 36/2005/QH ngày 14/06/2005 quy định *“Hoạt động thương mại là hoạt động nhằm mục đích sinh lợi, bao gồm mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, đầu tư, xúc tiến thương mại và các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi khác”*. Như vậy, Hợp đồng tiền gửi được xem là hoạt động thương mại, tuy nhiên không được quy định cụ thể trong Luật thương mại. Tại khoản 3 Điều 4 của Luật thương mại quy định *“Hoạt động thương mại không được quy định trong Luật thương mại và trong các Luật khác thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự”*. Vì vậy, Ngân hàng cho rằng mức lãi suất phạt áp dụng đối với Hợp đồng tiền gửi giữa hai bên được áp dụng theo Điều 422 của Bộ luật dân sự 2005 *“Phạt vi phạm là sự thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng, theo đó bên vi phạm nghĩa vụ phải nộp một khoản tiền cho bên bị vi phạm và mức phạt vi phạm do các bên thỏa thuận”*. Ngoài ra, các Hợp đồng tiền gửi đã ký kết giữa hai bên được căn cứ vào Bộ luật dân sự 2005. Do đó, Công ty áp dụng mức lãi suất phạt theo Luật thương mại đối với Hợp đồng tiền gửi là không phù hợp. Mức lãi suất phạt bằng 150% lãi suất ghi trên Hợp đồng tính trên số tiền và số ngày chậm trả là đúng thỏa thuận, đúng theo quy định của pháp luật.

Về thời hạn của các Hợp đồng tiền gửi: Trong các Hợp đồng tiền gửi thì thời hạn Hợp đồng đều ký là một năm, theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 17 của Nghị định số 79/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Thủ tướng chính phủ quy định Công ty Tài chính

được nhận tiền gửi có kỳ hạn từ một năm trở lên của tổ chức, cá nhân theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Do đó, các Hợp đồng đã ký kết giữa Ngân hàng và Công ty đều đúng quy định pháp luật. Tại điểm a mục 3.1 Điều 3 của tất cả các Hợp đồng tiền gửi ký giữa hai bên đều quy định Ngân hàng có quyền rút vốn trước hạn. Đây là thỏa thuận của hai bên, Công ty không đồng ý với thỏa thuận này thì Công ty vẫn phải thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng đã ký kết. Một điều khoản vi phạm pháp luật không kéo theo các điều khoản khác của cả Hợp đồng vô hiệu, theo Điều 135 của Bộ luật dân sự 2005 quy định vô hiệu một phần thì phần còn lại của Hợp đồng vẫn còn hiệu lực pháp luật. Vì vậy, Ngân hàng vẫn yêu cầu Công ty phải trả cho Ngân hàng cả gốc và lãi theo quy định của Hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Nếu Công ty không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn thì đề nghị Tòa án áp dụng Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

1. Buộc Công ty thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ nghĩa vụ nợ (bao gồm gốc, lãi và lãi phạt) của các Hợp đồng tiền gửi liên ngân hàng tạm tính đến hết ngày 16/11/2020 là **3.067.565.241.214** đồng (*chi tiết theo Phụ lục 01: Bảng tính nợ gốc, lãi và lãi phạt đối với V đính kèm*). *Cụ thể (theo tỷ giá quy đổi ngày 16/11/2020 là 01USD = 23.183 đồng)*.

- Nợ gốc quá hạn quy đổi: 1.136.671.758.000 đồng
 - Nợ lãi quá hạn quy đổi: 67.723.225.735 đồng
 - Phạt chậm trả gốc quy đổi: 1.750.041.477.721 đồng
 - Phạt chậm trả lãi quy đổi: 113.128.779.758 đồng
- Tổng cộng: **3.067.565.241.214** đồng.

2. Buộc Công ty thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ nghĩa vụ của khoản Trái phiếu quá hạn do V phát hành tạm tính đến hết ngày 16/11/2020 là: **203.479.836.065** đồng (*chi tiết theo Phụ lục 02: Bảng tính công nợ trái phiếu V đính kèm*), *cụ thể:*

- Gốc quá hạn: 100.000.000.000 đồng
 - Lãi quá hạn: 18.000.000.000 đồng
 - Phạt chậm trả gốc: 71.754.098.361 đồng
 - Phạt chậm trả lãi: 13.725.737.704 đồng
- Tổng cộng: **203.479.836.065** đồng.

3. Đề nghị Tòa án buộc Công ty tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tiền gửi liên ngân hàng và trái phiếu do Công ty phát hành cho đến ngày Công ty thực hiện chuyển trả toàn bộ tiền nợ cho Ngân hàng.

4. Đối với tài sản đảm bảo là **150.000.000.000** đồng mệnh giá Trái phiếu của Tập đoàn C Việt Nam đảm bảo cho các khoản tiền gửi liên ngân hàng của Ngân hàng tại Công ty . Đề nghị Tòa án tuyên tiếp tục phong tỏa Trái phiếu Vinashin Bond (Trái phiếu này được phong tỏa tại Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - SSI theo Đơn đề nghị xác nhận và Phong tỏa Trái phiếu Vinashin số 30/V/NV ngày 13/01/2009 của V) để đảm bảo việc thi hành án các khoản nợ của V, chi tiết Trái phiếu như sau:

- Tên trái phiếu: VINASHINBOND 0207-393, mệnh giá 100.000.000.000 đồng (một trăm tỷ đồng) và trái phiếu: VINASHINBOND 0207-396, mệnh giá 50.000.000.000 đồng (năm mươi tỷ đồng).

- Tổ chức phát hành: Tập đoàn C Việt Nam;

- Kỳ hạn: 10 năm;

- Ngày phát hành: 21/09/2007;

- Ngày đáo hạn: 21/09/2017;

- Lãi suất trái phiếu: 9,4%/năm

Nếu Công ty không thanh toán nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi xử lý tài sản đảm bảo không đủ trả nợ thì Công ty tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Ngoài các yêu cầu trên, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

* **Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu Thủy trình bày:** Bị đơn xác nhận những trình bày của nguyên đơn về việc hai bên ký kết 15 Hợp đồng tiền gửi cũng như việc Công ty phát hành trái phiếu ghi sổ mà Ngân hàng đang nắm giữ là có thật. Những nội dung cơ bản của các Hợp đồng tiền gửi cũng như Trái phiếu Công ty như trình bày của nguyên đơn là đúng. Tuy nhiên, bị đơn có quan điểm như sau:

- Không chấp nhận lãi suất tiền gửi vượt quá lãi suất trần theo quy định của pháp luật đối với Hợp đồng tiền gửi số 180610/V-OJB/TG; Hợp đồng tiền gửi số 170610/V-OJB/TG; Hợp đồng tiền gửi số 1984-1209/V-OJB/TG; Hợp đồng tiền gửi số 1982-1209/V-OJB/TG và Hợp đồng tiền gửi số 308/1210/GVND/OJB-V.

- Không chấp nhận mức phạt quá hạn chậm trả (gốc và lãi) vượt 8% nghĩa vụ bị vi phạm theo quy định tại Điều 301 của Luật thương mại số 36/2005/QH11 đối với tất cả các Hợp đồng tiền gửi nêu trên.

- Về thời hạn của các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn:

Hợp đồng số 180610/V-OJB/TG và các phụ lục kèm theo;

Hợp đồng số 170610/V-OJB/TG và các phụ lục kèm theo;
Hợp đồng số 1984-1209/V-OJB/TG và các phụ lục kèm theo;
Hợp đồng số 307/1210/GVND/OJB-V và các phụ lục kèm theo;
Hợp đồng số 1982-1209/V-OJB/TG và các phụ lục kèm theo;
Hợp đồng số 308/1210/GVND/OJB-V và các phụ lục kèm theo;
Hợp đồng số 190410/V-OJB/TG và các phụ lục kèm theo;
Hợp đồng số 260710/V-OJB/TG và các phụ lục kèm theo;
Hợp đồng số 120310/V-OJB/TG và các phụ lục kèm theo;
Hợp đồng số 131210/V-OJB/TG và các phụ lục kèm theo;
Hợp đồng số 280610/V-OJB/TG và các phụ lục kèm theo;
Hợp đồng số 484-1209/V-OJB/TG và các phụ lục kèm theo;
Hợp đồng số 83/1210/GUSD/OJB-V và các phụ lục kèm theo;
Hợp đồng số 483-1209/V-OJB/TG và các phụ lục kèm theo;
Hợp đồng số 82/1210/GUSD/OJB-V và các phụ lục kèm theo.

Là không đúng quy định của pháp luật. Cụ thể, toàn bộ Hợp đồng thực hiện chưa được một năm, việc chỉ cố định lãi suất tiền gửi trong một kỳ đầu, sau đó cho phép điều chỉnh lãi suất tiền gửi; Hợp đồng cũng cho phép chấm dứt Hợp đồng trước hạn mà vẫn hưởng lãi suất như gửi hết kỳ hạn, khi thực hiện mặc dù Ngân hàng đã có Thông báo chấm dứt trước hạn nhưng sau đó hai bên lại tiếp tục ký Phụ lục tiếp tục thực hiện Hợp đồng,.... Điều này cho thấy về bản chất đây là các Hợp đồng tiền gửi ngắn hạn, *vi phạm quy định tại khoản 1, Điều 17 của Nghị định số 79/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ*. Theo đó, Nghị định số 79/2002/NĐ-CP cấm Công ty tài chính nhận tiền gửi có kỳ hạn dưới một năm. *Vi phạm quy định tại Điều 29 Thông tư số 06/2002/TT-NHNN ngày 23/12/2002 của Ngân hàng Nhà nước*. *Vi phạm về kỳ hạn tiền gửi này cũng được Cơ quan thanh tra, Giám sát ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước kết luận tại Kết luận thanh tra Công ty Tài chính TNHH MTV C số 305/KL-TTGSNH1.m ngày 19/9/2012*. Do có sự vi phạm như vậy, đề nghị Tòa án tuyên vô hiệu đối với các Hợp đồng tiền gửi này.

- Đối với Trái phiếu Công ty phát hành mà Ngân hàng nắm giữ:

Nội dung của Điều 2 Trái phiếu Công ty phát hành quy định rõ: “*Gốc và lãi của Trái phiếu thanh toán sau hạn không được cộng thêm lãi của những ngày sau hạn*”; ngoài ra Hợp đồng mua bán Trái phiếu cũng không quy định lãi quá hạn hay điều khoản phạt.

Do vậy, Công ty không đồng ý với yêu cầu đòi phạt chậm trả gốc và phạt chậm trả lãi mà Ngân hàng đã nêu trong Đơn khởi kiện ngày 27/11/2019.

- Đối với Trái phiếu Vinashin:

Công ty và Ngân hàng không có thỏa thuận bằng văn bản về việc cầm cố thế chấp liên quan đến trái phiếu Vinashin số Giấy chứng nhận VINASHINBOND 207-393 và VINASHINBOND 207-396 tổng mệnh giá 150.000.000.000 đồng. Công ty kính đề nghị Quý tòa xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Liên quan đến số tiền 5.376.132,07 USD đây là khoản tiền Công ty và Công ty Vận tải Viễn Dương bán tài sản đảm bảo tại Công ty. Toàn bộ số tiền bán tàu được tàu Hoa Sen chuyển về tài khoản phong tỏa của Tổng Công ty Hàng Hải mở tại Ngân hàng. Tuy nhiên, Ngân hàng đã tự trích thu lại số tiền trên để thanh toán cho nghĩa vụ nợ của Công ty vận tải Viễn Dương. Việc này trái với các quy định tại Biên bản thỏa thuận đã ký giữa Công ty, Công ty Viễn Dương, Tổng Công ty Hàng Hải và Ngân hàng. Mặt khác, Công ty không có thỏa thuận nào với Ngân hàng trong việc thu nợ khoản nợ của Công ty Viễn Dương tại Ngân hàng.

Về số tiền 5.626.376.851 đồng là khoản ứng trước của Tổng Công ty Tàu Thủy để thanh toán các chi phí bán tàu của Viễn Dương sau đó sẽ dùng nguồn thu từ tàu Hoa Sen để thanh toán cho khoản ứng trước của Tổng công ty. Nội dung về số tiền ứng trước và thanh toán đã được hai bên thỏa thuận với nhau, tuy nhiên số tiền vẫn nằm trên tài khoản của Tổng công ty Hàng Hải mở tại Ngân hàng, Ngân hàng không đồng ý chuyển trả cho Tổng Công ty Tàu Thủy mặc dù Tổng Công ty Hàng Hải đã yêu cầu và viết ủy nhiệm chi nhưng Ngân hàng không thực hiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

* ***Nguyên đơn trình bày:*** Giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày tại Tòa án và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Buộc Công ty thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ nghĩa vụ nợ, bao gồm: Nợ gốc quá hạn quy đổi, lãi trong hạn (là lãi quá hạn quy đổi), lãi quá hạn (là phạt chậm trả gốc quy đổi), và phạt chậm trả lãi) của các Hợp đồng tiền gửi liên Ngân hàng tạm tính đến hết ngày 04/03/2021 là: **3.115.630.863.106** đồng (ba nghìn, một trăm mười lăm tỷ, sáu trăm ba mươi triệu, tám trăm sáu mươi ba nghìn, một trăm linh sáu đồng). Chi tiết theo Phụ lục 01: Bảng tính nợ gốc, lãi và lãi phạt đối với V tính đến ngày ngày 04/03/2021 đính kèm). Cụ thể (theo tỷ giá quy đổi ngày 04/03/2021 là 01USD = 23.020 đồng).

- Nợ gốc quá hạn quy đổi: 1.132.755.520.000 đồng
- Nợ lãi quá hạn quy đổi: 67.603.549.468 đồng
- Phạt chậm trả gốc quy đổi: 1.798.880.342.210 đồng
- Phạt chậm trả lãi quy đổi: 116.391.451.427 đồng

Tổng cộng: 3.115.630.863.106 đồng (ba nghìn, một trăm mười lăm tỷ, sáu trăm ba mươi triệu, tám trăm sáu mươi ba nghìn, một trăm linh sáu đồng).

2. Buộc Công ty thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ nghĩa vụ của khoản Trái phiếu quá hạn do Công ty phát hành tạm tính đến hết ngày 04/03/2021 là: **206.650.493.150** đồng (hai trăm linh sáu tỷ, sáu trăm năm mươi triệu, bốn trăm chín mươi ba nghìn, một trăm năm mươi đồng). (chi tiết theo Phụ lục 02: Bảng tính công nợ trái phiếu V tính đến ngày 04/03/2021 đính kèm), cụ thể:

- Gốc quá hạn: 100.000.000.000 đồng
- Lãi quá hạn: 18.000.000.000 đồng
- Phạt chậm trả gốc: 74.441.095.890 đồng
- phạt chậm trả lãi: 14.209.397.260 đồng

Tổng cộng: 206.650.493.150 đồng (hai trăm linh sáu tỷ, sáu trăm năm mươi triệu, bốn trăm chín mươi ba nghìn, một trăm năm mươi đồng).

3. Đề nghị Tòa án buộc Công ty tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tiền gửi liên ngân hàng và Trái phiếu do Công ty phát hành cho đến ngày Công ty thực hiện chuyển trả toàn bộ tiền nợ cho Ngân hàng.

4. Đối với tài sản đảm bảo (TSĐB) là **150.000.000.000** đồng mệnh giá Trái phiếu của Tập đoàn C Việt Nam đảm bảo cho các khoản tiền gửi liên ngân hàng của Ngân hàng tại Công ty. Đề nghị Tòa án tuyên tiếp tục phong tỏa Trái phiếu Vinashin Bond (Trái phiếu này được phong tỏa tại Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - SSI theo Đơn đề nghị xác nhận và Phong tỏa Trái phiếu Vinashin số 30/V/NV ngày 13/01/2009 của V) để đảm bảo việc thi hành án các khoản nợ của V, chi tiết Trái phiếu như sau:

- Tên trái phiếu: VINASHINBOND 0207-393 (mệnh giá 100 tỷ đồng) và trái phiếu: VINASHINBOND 0207-396 (mệnh giá 50 tỷ đồng);
- Tổ chức phát hành: Tập đoàn C Việt Nam;
- Kỳ hạn: 10 năm;
- Ngày phát hành: 21/9/2007;
- Ngày đáo hạn: 21/9/2017;

- Lãi suất trái phiếu: 9,4%/năm.

Nếu Công ty không thanh toán nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi xử lý tài sản đảm bảo không đủ trả nợ thì Công ty tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

* **Bị đơn trình bày:** Giữ nguyên các quan điểm như đã trình bày tại Tòa án và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết:

- Về 15 Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và các Phụ lục kèm theo là không đúng quy định của pháp luật về thời hạn. Cụ thể, toàn bộ Hợp đồng thực hiện chưa được một năm, việc chỉ có định lãi suất tiền gửi trong một kỳ đầu, sau đó cho phép điều chỉnh lãi suất tiền gửi; Hợp đồng cũng cho phép chấm dứt Hợp đồng trước hạn mà vẫn hưởng lãi suất như gửi hết kỳ hạn, khi thực hiện mặc dù Ngân hàng đã có thông báo chấm dứt trước hạn nhưng sau đó hai bên lại tiếp tục ký Phụ lục tiếp tục thực hiện Hợp đồng,.... Điều này cho thấy về bản chất đây là các Hợp đồng tiền gửi ngắn hạn, *vi phạm quy định tại khoản 1, Điều 17 của Nghị định số 79/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ*. Theo đó, Nghị định số 79/2002/NĐ-CP cấm Công ty tài chính nhận tiền gửi có kỳ hạn dưới một năm. *Vi phạm quy định tại Điều 29 Thông tư số 06/2002/TT-NHNN ngày 23/12/2002 của Ngân hàng Nhà nước*. *Vi phạm về kỳ hạn tiền gửi này cũng được Cơ quan thanh tra, Giám sát ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước kết luận tại Kết luận thanh tra Công ty Tài chính TNHH MTV C số 305/KL-TTGSNH1.m ngày 19/9/2012*. Do có sự vi phạm như vậy, đề nghị Tòa án tuyên vô hiệu đối với các Hợp đồng tiền gửi này. Đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của Hợp đồng vô hiệu. Do các Hợp đồng trên đã vô hiệu nên bị đơn cũng không đề cập đến các vấn đề về lãi suất vượt trần.

- Đối với Trái phiếu Công ty phát hành mà Ngân hàng nắm giữ:

Nội dung của Điều 2 Trái phiếu Công ty phát hành quy định rõ: “*Gốc và lãi của Trái phiếu thanh toán sau hạn không được cộng thêm lãi của những ngày sau hạn*”; ngoài ra Hợp đồng mua bán Trái phiếu cũng không quy định lãi quá hạn hay điều khoản phạt. Do vậy, Công ty không đồng ý với yêu cầu đòi phạt chậm trả gốc và phạt chậm trả lãi mà Ngân hàng đã nêu trong Đơn khởi kiện ngày 27/11/2019.

- Đối với Trái phiếu Vinashin.

Công ty và Ngân hàng không có thỏa thuận bằng văn bản về việc cầm cố thế chấp liên quan đến trái phiếu Vinashin số Giấy chứng nhận VINASHINBOND 207-393

và VINASHINBOND 207-396 tổng mệnh giá 150.000.000.000 đồng. Công ty kính đề nghị Quý tòa xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Liên quan đến số tiền 5.376.132,07 USD đây là khoản tiền Công ty và Công ty Vận tải Viễn Dương bán tài sản đảm bảo tại Công ty, về số tiền 5.626.376.851 đồng, Bị đơn sẽ giành để khởi kiện trong một vụ án khác, không trình bày tại phiên tòa hôm nay.

Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2021/ KDTM – ST, ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân Quận Hoàn Kiếm đã quyết định như sau :

Xử: **1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ (OceanBank) đối với Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên C (V) về việc tranh chấp Hợp đồng tiền gửi và Trái phiếu do V phát hành.

2. Buộc bị đơn Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên C (V) phải thanh toán trả Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ (OceanBank) tính đến ngày 04/03/2021:

- Số tiền nợ gốc theo 15 Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn là: 1.132.755.520.000 đồng (*một nghìn, một trăm ba mươi hai tỷ, bảy trăm năm mươi lăm triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng*).

- Số tiền nợ lãi trong hạn (khi chuyển quá hạn) của 15 Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn là: 67.603.549.468 đồng (*sáu mươi bảy tỷ, sáu trăm linh ba triệu, năm trăm bốn mươi chín nghìn, bốn trăm sáu mươi tám đồng*);

- Số tiền lãi quá hạn (phạt gốc quá hạn) của 15 Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn là: 1.798.880.342.210 đồng (*một nghìn, bảy trăm chín mươi tám tỷ, tám trăm tám mươi triệu, ba trăm bốn mươi hai nghìn, hai trăm mười đồng*).

(Theo Bảng kê tính nợ gốc, nợ lãi đính kèm)

3. Buộc bị đơn Công ty Tài chính TNHH MTV C (V) phải thanh toán trả Ngân hàng TMTNHH MTV Đ (OceanBank):

- Số tiền nợ gốc Trái phiếu số VF070004 là: **100.000.000.000** đồng (*một trăm tỷ đồng*);

- Số tiền nợ lãi của Trái phiếu số VF070004 là: **18.000.000.000** đồng (*mười tám tỷ đồng*).

Tổng nghĩa vụ V phải thanh toán cho OceanBank là: 3.117.239.411.678 đồng(ba nghìn, một trăm mười bảy tỷ, hai trăm ba mươi chín triệu, bốn trăm mười một nghìn, sáu trăm bảy mươi tám đồng).

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMTNHH MTV Đ đối với:

- Số tiền phạt chậm trả lãi quá hạn trên 15 Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn là: **116.391.451.427** đồng (*một trăm mười sáu tỷ, ba trăm chín mươi một triệu, bốn trăm năm mươi một nghìn, bốn trăm hai bảy đồng*);

- Số tiền phạt chậm trả gốc quá hạn đối với Trái phiếu số VF070004 là: **74.441.095.890** đồng (*bảy mươi tư tỷ, bốn trăm bốn mươi một triệu, không trăm chín lăm nghìn, tám trăm chín mươi đồng*);

- Số tiền phạt chậm trả lãi quá hạn đối với Trái phiếu số VF070004 là: **14.209.397.260** đồng (*mười bốn tỷ, hai trăm linh chín triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn, hai trăm sáu mươi đồng*).

Tổng số tiền OceanBank không được chấp nhận là: 205.041.944.577 đồng (hai trăm linh năm tỷ, không trăm bốn mươi một triệu, chín trăm bốn mươi bốn nghìn, năm trăm bảy mươi bảy đồng).

5. Trái phiếu Vinashin Bond số 0207- 393 và 0207- 396 đã được phong tỏa theo Đơn yêu cầu của V, Tòa án không chấp nhận yêu cầu phong tỏa Trái phiếu Vinashin Bond của OceanBank. Khi có yêu cầu thi hành án thì OceanBank có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án thực hiện theo quy định của pháp luật.

6. Về nghĩa vụ thanh toán theo 15 Hợp đồng tiền gửi và Trái phiếu:

6.1. Về nghĩa vụ thi hành án đối với 15 Hợp đồng tiền gửi thì kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (V) còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong 15 Hợp đồng tiền gửi và các Phụ lục Hợp đồng (đã nêu ở trong bản án).

6.2. Về nghĩa vụ thi hành án đối với Trái phiếu số VF070004, thì kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn Công ty Tài chính TNHH MTV C (V) phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: **3.225.240.000 đồng (ba tỷ, hai trăm hai mươi lăm triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng).**

Nguyên đơn Ngân hàng TMTNHH MTV Đ (OceanBank) phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền không được chấp nhận là: **313.042.000 đồng (ba trăm mười ba triệu, không trăm bốn mươi hai nghìn đồng)**, được khấu trừ vào số

tiền tạm ứng án phí 1.587.242.000 đồng (một tỷ, năm trăm tám mươi bảy triệu, hai trăm bốn hai nghìn đồng) mà nguyên đơn đã nộp - theo Biên lai số 0017620 ngày 29/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm. Nguyên đơn Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ (OceanBank) còn được nhận lại số tiền 1.274.200.000 đồng (một tỷ, hai trăm bảy mươi tư triệu, hai trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm.

Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm :

- Ngân hàng kháng cáo 1 phần bản án đề nghị Tòa phúc thẩm chấp nhận Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đòi số tiền phạt chậm trả của số tiền lãi quá hạn.

- Công ty kháng cáo đề nghị : Tòa án xác định 15 Hợp đồng tiền gửi vô hiệu do Hợp đồng ghi thời hạn là 12 tháng, nhưng trong Hợp đồng có điều khoản được rút vốn trước thời hạn là vi phạm Nghị định 79/2002/NĐ-CP của Chính Phủ và Thông tư 06/2002/TT-NHNN (Sai phạm này được Thanh tra Ngân hàng Nhà nước kết luận). Đề nghị xem xét lại lãi phạt quá hạn theo Luật thương mại.

Tại phiên tòa phúc thẩm :

- Ngân hàng và Công ty thống nhất không kháng cáo, không tranh chấp về thẩm quyền, quá trình ký kết 15 Hợp đồng tiền gửi đang có tranh chấp, về số nợ gốc và về trái phiếu.

- Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa phúc thẩm chấp nhận Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đòi số tiền phạt chậm trả của số tiền lãi quá hạn.

- Công ty giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án xác định 15 Hợp đồng tiền gửi vô hiệu do Hợp đồng ghi thời hạn là 12 tháng, nhưng trong Hợp đồng có điều khoản được rút vốn trước thời hạn và tại điểm 2.3 điều II của 15 Hợp đồng tiền gửi đều quy định Ngân hàng có quyền chấm dứt hợp đồng ngay khi Công ty vi phạm về việc trả lãi là vi phạm Nghị định 79/2002/NĐ-CP của Chính Phủ và Thông tư 06/2002/TT-NHNN (Sai phạm này được Thanh tra Ngân hàng Nhà nước kết luận), do vậy Công ty đề nghị hoàn trả cho Ngân hàng số nợ gốc, do Hợp đồng vô hiệu nên không trả lãi.

Trong trường hợp Hợp đồng không vô hiệu thì đề nghị xem xét lại phần tính lãi của Ngân hàng và đề nghị tính lãi phạt quá hạn theo quy định của Luật thương mại.

Không kháng cáo nội dung nào khác.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của Ngân hàng và Công ty trong thời hạn Luật định.

Về nội dung:

- Căn cứ Bộ luật dân sự yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng về việc yêu cầu đòi lãi phạt của số tiền lãi quá hạn là không có căn cứ để chấp nhận.

- Ngân hàng và Công ty ký kết 15 Hợp đồng tiền gửi có thời hạn 12 tháng, trong hợp đồng hai bên thỏa thuận Ngân hàng được phép rút tiền trước thời hạn là không đúng, tuy nhiên sau khi ký kết 15 Hợp đồng tiền gửi nêu trên, Công ty không trả được gốc và lãi cho Ngân hàng do vậy việc Công ty kháng cáo cho rằng 15 Hợp đồng tiền gửi vô hiệu và không trả lãi cho Ngân hàng là không có căn cứ để chấp nhận.

- Ngân hàng và Công ty là hai tổ chức tín dụng, ký kết Hợp đồng tiền gửi do vậy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc Công ty phải trả lãi phạt quá hạn là phù hợp với Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng, do vậy không chấp nhận kháng cáo của Công ty về việc yêu cầu trả lãi theo Luật Thương mại.

Do vậy căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng và Công ty giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- **Về thủ tục tố tụng** : Đơn kháng cáo của Công ty và Ngân hàng trong thời hạn Luật định và hợp lệ.

+ **Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật**: Ngân hàng và Công ty tranh chấp về 15 Hợp đồng tiền gửi, do vậy Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm thụ lý và giải quyết vụ án xác định Tranh chấp Hợp đồng tiền gửi và trái phiếu theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ **Về thời hiệu khởi kiện**:

Điểm a khoản 4,2 điều IV của 15 Hợp đồng tiền gửi giữa Ngân hàng và Công ty quy định: “ *Hợp đồng này được chấm dứt trong các trường hợp sau: Toàn bộ nghĩa vụ của các bên đã được hoàn thành*”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng và Công ty đều thừa nhận từ khi hết thời hạn theo Hợp đồng đến nay Công ty không trả nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng, như vậy Công ty chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình, hai bên vẫn đang trong quá trình thực hiện Hợp đồng, ngày 27/11/2019 Ngân hàng làm đơn khởi kiện, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng trong thời hiệu khởi kiện là phù hợp điều 429, điểm d khoản 1 điều 688 Bộ luật dân sự 2015.

- Về nội dung :

1/ Về các Hợp đồng tiền gửi:

- Ngân hàng và Công ty là hai tổ chức tín dụng do vậy việc Ngân hàng, Công ty ký kết 15 Hợp đồng tiền gửi với nội dung Ngân hàng gửi tiền vào Công ty là phù hợp với khoản 1,2,3,7 điều 20, khoản 2 điều 45 Luật các tổ chức tín dụng 1997 và Luật sửa đổi bổ sung số 20/2004/QH11 ngày 15/6/2004.

- Trong quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng, Công ty không tranh chấp về thẩm quyền, quá trình ký kết và thực hiện 15 Hợp đồng tiền gửi được ký kết giữa 2 bên , hai bên thống nhất Công ty còn nợ Ngân hàng số nợ gốc : 579.677.000.000đồng và 24.026.000USD. Xét thấy việc thừa nhận của các bên phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ , Ngân hàng, Công ty không kháng cáo số nợ gốc nêu trên, Nên phần này giữ nguyên.

- Khoản 2 điều 45 Luật các tổ chức tín dụng 1997 quy định : “*Tổ chức tín dụng phi ngân hàng được nhận tiền gửi có kỳ hạn từ một năm trở lên của tổ chức, cá nhân theo quy định của Ngân hàng Nhà nước*”, Khoản 2 điều 17 Nghị định số 79/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty tài chính có quy định : “*Công ty Tài chính được huy động vốn từ các nguồn sau: Nhận tiền gửi có kỳ hạn từ một năm trở lên của tổ chức, cá nhân theo quy định của Ngân hàng Nhà nước*”. Tại điều I của 15 Hợp đồng tiền gửi do Ngân hàng và Công ty ký kết đều thể hiện: “ *Thời hạn : 12 tháng ”* , như vậy thời hạn của Hợp đồng là 12 tháng phù hợp với Khoản 2 điều 45 Luật các tổ chức tín dụng 1997, Khoản 2 điều 17 Nghị định số 79/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty tài chính.

Tại mục 3.1 Điều III của 15 Hợp đồng tiền gửi do Ngân hàng, Công ty ký kết đều thể hiện: “ *Bên A có quyền rút vốn trước hạn ...và có Thông báo bằng văn bản cho Bên*

B trước 1 ngày làm việc”, Thấy rằng việc hai bên thoả thuận về quyền rút vốn trước thời hạn 12 tháng là không phù hợp, tuy nhiên trong thực tế khoản tiền gửi của 15 Hợp đồng tiền gửi nêu trên đến nay đã quá hạn nhiều năm chưa trả, do vậy việc Công ty cho rằng 15 Hợp đồng tiền gửi nêu trên bị vô hiệu do hai bên thoả thuận được rút vốn trước thời hạn là không có căn cứ, do vậy không chấp nhận kháng cáo của Công ty về việc 15 Hợp đồng tiền gửi vô hiệu.

2/ Về các Hợp đồng tiền gửi Việt Nam đồng:

2.1/ Đối với Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 180610/V-OJB/TG ngày 18/6/2010, Phụ lục 01 ngày 19/7/2010, Phụ lục 02 ngày 19/10/2010, Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 170610/V-OJB/TG ngày 17/6/2010, Phụ lục 01 ngày 09/7/2010, Phụ lục 02 ngày 19/07/2010, Phụ lục 03 ngày 19/10/2010

Khoản 1 điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: “ *Lãi suất vay do các bên thoả thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng*”

Quyết định 16/2008/QĐ-NHNN ngày 16/5/2008 của Ngân hàng Nhà nước quy định: “ *Điều 1. Quy định việc điều hành lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam làm cơ sở cho các tổ chức tín dụng ấn định lãi suất kinh doanh như sau:*

1. Các tổ chức tín dụng ấn định lãi suất kinh doanh (lãi suất huy động, lãi suất cho vay) bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng không vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố để áp dụng trong từng thời kỳ.

2. Định kỳ hàng tháng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố lãi suất cơ bản. Trong trường hợp cần thiết, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố điều chỉnh kịp thời lãi suất cơ bản.”

Quyết định 1565/QĐ-NHNN ngày 24/6/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định: “ *Quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 8%/năm*”.

Tại 02 Hợp đồng và 05 Phụ lục Hợp đồng nêu trên Ngân hàng, Công ty thoả thuận: “ *Lãi suất điều chỉnh 1 tháng 1 lần . Lãi suất áp dụng cho 01 tháng đầu tiên là 12%/năm. Sau 1 tháng ... lãi suất sẽ được đàm phán giữa 2 bên bằng văn bản bổ sung*”.

Căn cứ Quyết định 16/2008/QĐ-NHNN ngày 16/5/2008, Quyết định 1565/QĐ-NHNN ngày 24/6/2010 của Ngân hàng Nhà nước thì Ngân hàng, Công ty thoả thuận tại 02 Hợp đồng và 05 Phụ lục Hợp đồng nêu trên với mức lãi suất tiền gửi là 12%/năm là phù hợp pháp luật, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty phải trả Ngân hàng lãi suất trong hạn 12%/năm là có căn cứ, nên chấp nhận.

Điểm 4.3 điều IV Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 180610/V-OJB/TG ngày 18/6/2010, Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 170610/V-OJB/TG ngày 17/6/2010 quy định: “ Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản quy định trong hợp đồng này. Trong trường hợp một trong hai bên không thực hiện chuyển tiền theo đúng thời hạn ghi trong Hợp đồng thì sẽ phải chịu phạt, mức lãi suất phạt bằng 150% lãi suất ghi trong Hợp đồng tính trên số tiền và số ngày chậm trả” Thấy rằng, hai bên thỏa thuận lãi suất phạt, nhưng bản chất là lãi suất quá hạn, do vậy thỏa thuận nêu trên là phù hợp với khoản 5 điều 474 Bộ luật dân sự , do vậy trong trường hợp Công ty không trả tiền cho Ngân hàng đúng hạn trong hợp đồng thì Công ty phải trả Ngân hàng khoản lãi suất bằng 150% mức lãi suất trong hạn là 18%/năm từ khi quá hạn đến khi xét xử .

Tuy nhiên căn cứ vào 02 Hợp đồng nêu trên hai bên ký kết thỏa thuận thời hạn hợp đồng là 12 tháng, do vậy hết 12 tháng mà Công ty không trả tiền theo đúng Hợp đồng tiền gửi thì Công ty mới phải chịu lãi suất phạt, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty phải chịu lãi suất phạt khi chưa hết thời hạn của Hợp đồng là 12 tháng là không đúng, do vậy chấp nhận 1 phần kháng cáo của Công ty xác định lãi suất phạt quá hạn được tính kể từ thời điểm hết 12 tháng theo thời hạn của Hợp đồng tiền gửi.

2.2/ Tương tự như trên đối với Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 1984-1209/V-OJB/TG ngày 11/12/2009, Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 308/1210/GVND/ OJB -V ngày 13/12/2010, Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 1982-1209/V-OJB/TG ngày 11/12/2009, Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 307/1210/GVND/ OJB -V ngày 13/12/2010, Ngân hàng và Công ty thỏa thuận lãi suất tiền gửi là 11,8%/năm và 13,5%/năm là phù hợp pháp luật nên chấp nhận. Việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty phải trả Ngân hàng khoản lãi suất trong hạn, lãi suất phạt quá hạn trên số nợ gốc là có căn cứ.

Tuy nhiên căn cứ vào 04 Hợp đồng nêu trên hai bên ký kết thỏa thuận thời hạn hợp đồng là 12 tháng, do vậy hết 12 tháng mà Công ty không trả tiền theo đúng Hợp đồng tiền gửi thì Công ty mới phải chịu lãi suất phạt, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty phải chịu lãi suất phạt khi chưa hết thời hạn của Hợp đồng là 12 tháng là không đúng, do vậy chấp nhận 1 phần kháng cáo của Công ty xác định lãi suất phạt quá hạn kể từ thời điểm hết 12 tháng theo thời hạn của Hợp đồng tiền gửi.

3/ Về các Hợp đồng tiền gửi USD:

Giấy xác nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ ngoại hối số 8140/NHNN-CNH ngày 5/9/2008 của Ngân hàng Nhà nước quy định: “ Ngân hàng Nhà nước Việt

*Nam xác nhận Ngân hàng đủ điều kiện hoạt động cung ứng các dịch vụ ngoại hối sau :
..cho vay bằng ngoại tệ ”*

Giấy phép hoạt động ngoại hối số 11/GP-NHNN ngày 7/5/2003, Quyết định số 1841/QĐ-NHNN ngày 19/12/2005 quy định: “ Cho phép V được thực hiện nội dung hoạt động ngoại hối sau đây: Nhận tiền gửi có kỳ hạn 1 năm trở lên bằng ngoại tệ”

Đối chiếu với các quy định nêu trên thì Ngân hàng và Công ty đều có chức năng kinh doanh đối với USD do vậy việc hai bên ký kết 09 Hợp đồng tiền gửi và 06 Phụ lục Hợp đồng tiền gửi với nội dung Ngân hàng gửi Công ty 1 khoản USD và thời hạn gửi 12 tháng là phù hợp với Khoản 2 điều 45 Luật các tổ chức tín dụng 1997, Khoản 2 điều 17 Nghị định số 79/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty tài chính.

Tại công văn số 9226/NHNN-TTGSNH ngày 29/12/2021 của Ngân hàng Nhà nước thể hiện:

“ Về mức lãi suất liên ngân hàng áp dụng đối với USD, từ ngày 18/6/2010 đến nay, NHNN không ban hành quy định riêng về mức lãi suất cụ thể. Theo đó, lãi suất liên ngân hàng áp dụng đối với USD thực hiện theo quy định chung về lãi suất cho vay liên ngân hàng giữa các TCTD, cụ thể:

- Từ ngày 18/6/2010 đến 31/8/2012: tại Điều 6 về lãi suất cho vay tại Quy chế vay vốn giữa các tổ chức tín dụng ban hành kèm Quyết định số 1310/2001/QĐ-NHNN ngày 15/10/2001 của Thống đốc quy định: “1. Lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận, phù hợp với quy định của pháp luật. 2. Các bên có thể thỏa thuận áp dụng lãi suất quá hạn đối với số tiền vay không hoàn trả đúng hạn và không được bên cho vay gia hạn. Lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất cho vay”.

- Từ 01/9/2012 đến 21/8/2016: Khoản 1 và Khoản 3 Điều 11 Thông tư số 21/2012/TT-NHNN ngày 18/6/2012 quy định về hoạt động cho vay, đi vay; mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định: “1. Lãi suất cho vay do các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự thỏa thuận” và “3. Các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay việc áp dụng lãi suất phạt quá hạn đối với số tiền vay không hoàn trả đúng hạn và không được bên cho vay gia hạn. Lãi suất phạt quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất cho vay đang áp dụng đối với khoản vay trong hợp đồng cho vay hoặc tối đa bằng 150% lãi suất cho vay mà bên cho vay đang áp dụng đối với các khoản cho vay khác có cùng kỳ hạn trên thị trường liên ngân hàng tại thời điểm chuyên nợ quá hạn”.

- Từ 22/5/2016 đến nay: Khoản 4 Điều 1 Thông tư số 18/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2012/TTNHNN ngày 18/6/2012 của Thống đốc quy định: “1. Lãi suất cho vay do các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thỏa thuận” và “3. Lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn do các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thỏa thuận trong hợp đồng cho vay nhưng không vượt quá 150% lãi cho vay trong hạn; Lãi suất áp dụng đối với số tiền lãi vay chậm trả do các 1 chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thỏa thuận trong hợp đồng cho vay nhưng không vượt quá 10%/năm”.

Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 190410/V-OJB/TG ngày 19/4/2010 - Phụ lục 01 ngày 19/7/2010 - Phụ lục 02 ngày 19/10/2010; Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 260710/V-OJB/TG ngày 26/7/2010 - Phụ lục 01 ngày 26/10/2010; Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 280610/V-OJB/TG ngày 28/6/2010 - Phụ lục 01 ngày 28/7/2010 - Phụ lục 02 ngày 28/10/2010 - Phụ lục 03 ngày 29/11/2010 với mức lãi suất 7%/năm; Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 120310/V-OJB/TG ngày 12/03/2010 với mức lãi suất 5%/năm - Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 131210/V-OJB/TG ngày 13/12/2010 với mức lãi suất 8%/năm; Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 484-1209/V-OJB/TG ngày 11/12/2009 với mức lãi suất 7%/năm – Thông báo điều chỉnh ngày 11/3/2010 với mức lãi suất 7,3%/năm - Thông báo điều chỉnh ngày 11/6/2010 với mức lãi suất 7,8%/năm - Thông báo điều chỉnh ngày 13/9/2010 với mức lãi suất 8%/năm - Hợp đồng tiền gửi số 83/1210/GUSD/OJB-V ngày 13/12/2010 với mức lãi suất 8%/năm; Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 483-1209/V-OJB/TG ngày 11/12/2009 với mức lãi suất 7%/năm – Thông báo điều chỉnh ngày 11/3/2010 với mức lãi suất 7,3%/năm - Thông báo điều chỉnh ngày 11/6/2010 với mức lãi suất 7,8%/năm - Thông báo điều chỉnh ngày 13/9/2010 với mức lãi suất 8%/năm - Hợp đồng tiền gửi số 82/1210/GUSD/OJB-V ngày 13/12/2010 với mức lãi suất 8%/năm.

Đối chiếu với các quy định nêu trên tại thời điểm từ ngày 18/6/2010 đến nay, Ngân hàng Nhà nước không ban hành quy định riêng về mức lãi suất liên ngân hàng áp dụng đối với USD, do vậy các bên phải áp dụng lãi suất liên ngân hàng đối với USD thực hiện theo quy định chung về lãi suất cho vay liên ngân hàng giữa các tổ chức tín dụng, đối chiếu với mức Lãi suất USD do Ngân hàng huy động và mức lãi suất USD do Ngân hàng thực hiện việc cho vay trong hệ thống Ngân hàng tại cùng thời điểm ký kết các Hợp đồng tiền gửi USD thì việc Ngân hàng và Công ty thỏa thuận ký kết 06 Hợp đồng tiền gửi USD và Phụ lục kèm theo được trích dẫn ở trên với mức lãi suất tiền gửi USD

là 5%/năm, 7%/năm, 7,3%/năm, 7,3%/năm, 8%/năm là phù hợp với các quy định của Ngân hàng Nhà nước, nên chấp nhận.

Điểm 4.3 điều IV 06 Hợp đồng tiền gửi và Phụ lục kèm theo quy định: “ Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản quy định trong hợp đồng này. Trong trường hợp một trong hai bên không thực hiện chuyển tiền theo đúng thời hạn ghi trong Hợp đồng thì sẽ phải chịu phạt, mức lãi suất phạt bằng 150% lãi suất ghi trong Hợp đồng tính trên số tiền và số ngày chậm trả” Thấy rằng hai bên thỏa thuận lãi suất phạt nhưng bản chất là lãi suất quá hạn do vậy thỏa thuận nêu trên là phù hợp với khoản 5 điều 474 Bộ luật dân sự , do vậy trong trường hợp Công ty không trả tiền cho Ngân hàng đúng hạn trong hợp đồng thì Công ty phải trả Ngân hàng khoản lãi suất bằng 150% mức lãi suất trong hạn kể từ thời điểm quá hạn.

Tuy nhiên căn cứ vào 04 Hợp đồng nêu trên hai bên ký kết thỏa thuận thời hạn hợp đồng là 12 tháng, do vậy hết 12 tháng mà Công ty không trả tiền theo đúng thời hạn trong Hợp đồng tiền gửi thì Công ty mới phải chịu lãi suất phạt, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty phải chịu lãi suất phạt khi chưa hết thời hạn của Hợp đồng là 12 tháng là không đúng, do vậy chấp nhận 1 phần kháng cáo của Công ty trong trường hợp Công ty không trả nợ đúng hạn thì phải chịu lãi suất phạt quá hạn kể từ thời điểm hết thời hạn 12 tháng theo Hợp đồng tiền gửi.

- Từ những phân tích nêu trên căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng, chấp nhận 1 phần kháng cáo của Công ty sửa bản án sơ thẩm về lãi suất phạt quá hạn.

Về án phí phúc thẩm : Công ty không phải chịu án phí phúc thẩm. Ngân hàng phải chịu án phí phúc thẩm

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phù hợp 1 phần với nhận định của Hội đồng xét xử.

Từ những nhận định trên!

Căn cứ các điều 305, 422, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005.

Căn cứ điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ điều 147, điều 148, khoản 2 điều 308, điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 4 điều 26, Khoản 1, 2 điều 29 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí , lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Xử : Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ, chấp nhận 1 phần kháng cáo của Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên C.

Sửa Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2021/ KDTM – ST, ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân Quận Hoàn Kiếm và quyết định như sau :

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ đối với Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên C (V) về việc tranh chấp Hợp đồng tiền gửi và Trái phiếu do V phát hành.

2. Buộc Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên C (V) phải thanh toán trả Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ tính đến ngày 04/03/2021 các khoản cụ thể sau:

2.1/ Đối với Việt Nam đồng:

- Số tiền nợ gốc là: 579.677.000.000 đồng
- Số tiền nợ lãi trong hạn: 106.786.341.903 đồng
- Số tiền nợ lãi phạt chậm trả: 1.090.816.963.125 đồng.
- Tổng gốc và lãi: 1.777.280.305.028 đồng.

2.2/ Đối với USD:

- Số tiền nợ gốc là: 24.026.000 USD
- Số tiền nợ lãi trong hạn: 1.724.988 USD
- Số tiền nợ lãi phạt chậm trả: 25.617.957 USD.
- Tổng gốc và lãi: 51.368.944 USD quy đổi ra tiền Việt Nam đồng theo tỷ giá 23020 đồng tại thời điểm 4/3/2021 là 1.182.513.101.111 đồng.

2.3/ Tổng gốc và lãi tính đến ngày 4/3/2021 là 2.959.793.406.139 đồng (Hai nghìn chín trăm năm mươi chín tỷ bảy trăm chín mươi ba triệu bốn trăm linh sáu ngàn một trăm ba mươi chín đồng).

(Theo Bảng kê tính nợ gốc, nợ lãi đính kèm)

3. Buộc Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên C phải thanh toán trả Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ khoản nợ sau :

- Số tiền nợ gốc Trái phiếu số VF070004 là: 100.000.000.000 đồng (một trăm tỷ đồng) và số tiền nợ lãi của Trái phiếu số VF070004 là: 18.000.000.000 đồng (mười tám tỷ đồng).

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ đòi số tiền 244.487.950.117 đồng bao gồm:

- Số tiền phạt chậm trả lãi quá hạn trên 15 Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn là: 155.837.456.967 đồng;

- Số tiền phạt chậm trả gốc quá hạn đối với Trái phiếu số VF070004 là: 74.441.095.890 đồng;

- Số tiền phạt chậm trả lãi quá hạn đối với Trái phiếu số VF070004 là: 14.209.397.260 đồng.

5. Trái phiếu Vinashin Bond số 0207- 393 và 0207- 396 đã được phong tỏa theo Đơn yêu cầu của Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên C, Tòa án không chấp nhận yêu cầu phong tỏa Trái phiếu Vinashin Bond của Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ.

Khi có yêu cầu thi hành án thì Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án thực hiện theo quy định của pháp luật.

6. Về nghĩa vụ thanh toán theo 15 Hợp đồng tiền gửi và Trái phiếu:

6.1. Kể từ ngày 5/3/2021 Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên C tiếp tục phải trả cho Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ khoản tiền lãi phạt quá hạn trên số nợ gốc của 15 Hợp đồng tiền gửi chưa trả cho đến khi thanh toán xong số nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong 15 Hợp đồng tiền gửi và các Phụ lục Hợp đồng (đã nêu ở trong bản án).

6.2. Kể từ ngày 5/3/2021 Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên C tiếp tục phải trả cho Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ khoản tiền lãi phạt quá hạn trên số nợ gốc của Trái phiếu số VF070004 chưa trả cho đến khi thanh toán xong số nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên C phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 3.185.793.000 đồng (làm tròn) (ba tỷ, một trăm tám mươi lăm triệu, bảy trăm chín mươi ba nghìn đồng).

Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền không được chấp nhận là: 352.487.000 đồng (làm tròn) (ba trăm năm mươi hai triệu, bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.587.242.000 đồng (một tỷ, năm trăm tám mươi bảy triệu, hai trăm bốn mươi hai nghìn đồng) mà nguyên đơn đã nộp - theo Biên lai số

0017620 ngày 29/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm. Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ còn được nhận lại số tiền 1.234.755.000 đồng (một tỷ, hai trăm ba mươi tư triệu, bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 28/11/2022.

Nơi nhận:

- TAND Quận Hoàn Kiếm.
- VKSND TP Hà nội .
- Đương sự.
- Lưu.

TM. Hội đồng xét xử phúc thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

